

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thừa Thiên Huế, ngày 31 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY TNHH MN MTV LÂM NGHIỆP SỐ: HỒ 806 /QĐ-UBND

ĐẾN Số: 80
Ngày: 04.4.2022.
Chuyển:.....
Lưu hồ sơ số:.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2022, Kế hoạch tài chính năm 2022; phê duyệt Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý năm 2021 và Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý năm 2022; giao chỉ tiêu đánh giá, xếp loại doanh nghiệp năm 2022 đối với Công ty TNHH nhà nước một thành viên Lâm nghiệp Nam Hoà

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính Phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào

doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước; Thông tư số 77/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính Phủ;

Căn cứ Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018, Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 863/TTr-SKHĐT ngày 21 tháng 3 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2022 và Kế hoạch tài chính năm 2022 đối với Công ty TNHH nhà nước một thành viên Lâm nghiệp Nam Hoà với những nội dung chủ yếu tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Phê duyệt Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý năm 2021 và Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý năm 2022 đối với Công ty TNHH nhà nước một thành viên Lâm nghiệp Nam Hoà với những nội dung chủ yếu tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Giao chỉ tiêu đánh giá, xếp loại doanh nghiệp năm 2022 đối với Công ty TNHH nhà nước một thành viên Lâm nghiệp Nam Hoà với những nội dung chủ yếu tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Trách nhiệm của Chủ tịch và Giám đốc Công ty TNHH nhà nước một thành viên Lâm nghiệp Nam Hoà:

- Căn cứ các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2022 được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này hoàn chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2021 của Công ty để công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ.

- Căn cứ số liệu giám sát, thẩm tra của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan để phê duyệt Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động năm 2021 và Quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động năm 2022. Quyết toán Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý năm 2021 theo số liệu được phê duyệt tại Điều 2 Quyết định này.

- Tổ chức thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định và có hiệu quả để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được giao tại Điều 1, Điều 2, Điều 3 Quyết định này.

Điều 5. Trách nhiệm của Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội:

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm giúp UBND tỉnh giám sát, đánh giá việc Công ty TNHH nhà nước một thành viên Lâm nghiệp Nam Hoà thực hiện các chỉ tiêu được phê duyệt tại Điều 1, Điều 2, Điều 3 Quyết định này.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 7. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch và Giám đốc Công ty TNHH nhà nước một thành viên Lâm nghiệp Nam Hoà; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Quý Phương



Phụ lục 1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2022

I. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
1	Chỉ tiêu sản lượng chủ yếu				
-	Cây giồng lâm nghiệp	nghìn cây	928	1,050	
-	Gỗ tận thu rừng trồng dự án JBIC	m ³	3,540	1,686	
-	Khai thác rừng trồng	ha	142	129	
-	Khai thác nhựa thông	kg	33,663	26,000	
-	Cho thuê mặt bằng	tháng	84	84	
2	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích				
-	Dịch vụ môi trường rừng	ha	11,782	11,782	
-	Dịch vụ QLBR	ha	627	627	
3	Tổng doanh thu	Triệu đồng	16,874	17,298	
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	2,203	2,653	
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1,928	2,388	
6	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Triệu đồng	484	442	
	<i>Trong đó: Thuế TNDN</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>275</i>	<i>265</i>	
7	Tổng vốn đầu tư	Triệu đồng	15,145	10,800	
-	<i>Vườn ươm</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>55</i>	<i>55</i>	
-	<i>Trồng rừng</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>9,540</i>	<i>5,631</i>	
-	<i>Chăm sóc rừng trồng</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>5,500</i>	<i>5,064</i>	
-	<i>Sửa chữa, xây dựng công trình</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>50</i>	<i>50</i>	
8	Kim ngạch xuất khẩu	1.000 USD	-	-	
9	Các chỉ tiêu khác		-	-	

II. Kế hoạch đầu tư (dự án nhóm B trở lên): Không



Phụ lục II. Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý năm 2021 và Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý năm 2022

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
I	Tiền lương của người quản lý chuyên trách				
1	Hạng công ty được xếp	Hạng	II	II	
2	Số người quản lý chuyên trách	Người	4	4	
3	Hệ số mức lương bình quân	Hệ số	5.73	5.73	
4	Mức lương cơ bản bình quân	Tr.đồng/tháng	19.5	22.25	
5	Hệ số tăng thêm so với mức lương cơ bản	Hệ số	-	0.0112	
6	Mức % tiền lương tính thêm (do vượt lợi nhuận kế hoạch)	%	16.79	-	
7	Quỹ tiền lương của người quản lý chuyên trách	Tr.đồng	1,093.154	1,080	
8	Mức tiền lương bình quân của người quản lý chuyên trách	Tr.đồng/tháng	22.774	22.5	
II	Thù lao của người quản lý không chuyên trách				
1	Số người quản lý không chuyên trách	Người	1	1	
2	Quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách	Tr.đồng	48	48	
3	Mức thù lao bình quân của người quản lý không chuyên trách	Tr.đồng/tháng	4	4	



Phụ lục III: Giao chỉ tiêu đánh giá, xếp loại doanh nghiệp năm 2022

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	16,874	17,298	
2	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1,928	2,388	

